

Phụ lục 5
DỰ KIẾN SỐ LƯỢNG NỘI DUNG THI ĐẤU
TẠI ĐẠI HỘI THỂ THAO TOÀN QUỐC LẦN THỨ X NĂM 2026

TT	Môn		Số lượng
1	Điền kinh (bao gồm Việt dã leo núi Bà Rá)		52
2	Thể thao dưới nước	Bơi	41
		Nhảy cầu	6
3	Thể dục dụng cụ		14
4	Đua thuyền	Rowing	22
		Canoeing	37
		Sailing	10
		Thuyền truyền thống	18
5	Bóng đá	Bóng đá 11 người	2
		Futsal	1
6		Vật tự do	22
		Vật cổ điển	11
		Vật bãi biển	6
7	Bắn súng		51
8	Bắn cung		32
9	Cử tạ		30
10	Judo		32
11	Taekwondo		24
12	Boxing		27
13	Đấu kiếm		15
14	Cầu lông		7
15	Quần vợt		7
16	Bóng chuyền	Bóng chuyền trong nhà	2
		Bóng chuyền bãi biển	2
17	Bóng rổ	5x5	2
		3x3	2
18	Bóng ném	Bóng ném trong nhà	2
		Bóng ném bãi biển	2
19	Xe đạp	Xe đạp đường trường	18
		Xe đạp địa hình	14
20	Bóng bàn		7

21	Golf		4
22	Triathlon (Ba môn phối hợp)		13
23	Karate		25
24	Wushu		30
25	Cầu mây	Cầu mây trong nhà	15
		Cầu mây bãi biển	6
26	Kurash		17
27	Jujitsu		26
28	Roller	Trượt ván	4
		Roller	10
29	Esport		3
30	Pencat Silat		23
31	Thể hình		17
32	Muay		17
33	Bí sắt		11
34	Kick Boxing		23
35	Bowling		12
36	Cờ	Cờ vua	20
		Cờ tướng	10
		Cờ vây	4
37	Billiards & Snooker		10
38	Khiêu vũ thể thao		14
39	Aerobic		9
40	Vovinam		26
41	Lặn		16
42	Võ cổ truyền		37
43	Đá cầu	Đá cầu	10
		Đá cầu bãi biển	4
44	Đẩy gậy		8
45	Kéo co		12
46	Lân Sư Rồng		4
47	Pickleball		5
	Tổng		963